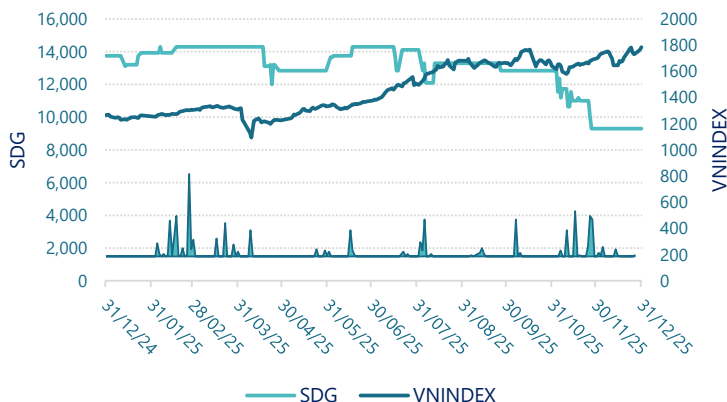




CTCP Sadico Cần Thơ (HNX: SDG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,300
SL cổ phiếu LH	10,139,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	94
P/E	-2.1
EPS	-4,491

DT thuần

Q4/25

277

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 88.0 | 46.4%

YoY: ▼ 66.0 | -19.3%

LN sau thuế

Q4/25

-50.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 3.40 | -7.3%

YoY: ▼ 29.5 | -141%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-7.4%

+/- YoY: ▼ 4.5%

DT thuần

2025

1,015

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 70.0 | -6.4%

LN sau thuế

2025

-90.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 37.9 | -72.4%

ROE

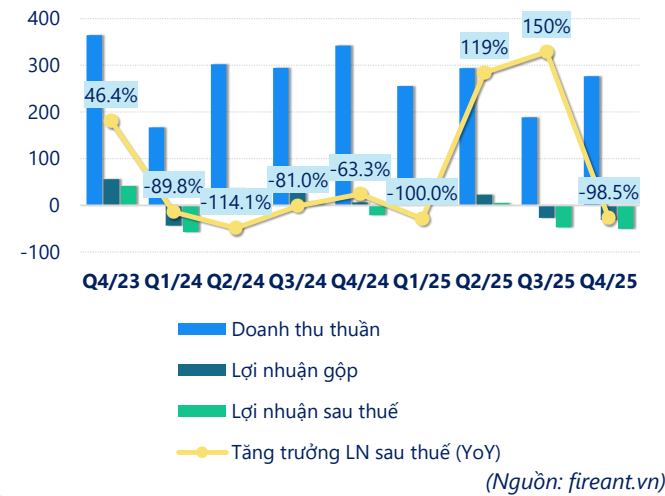
2025

-16.9%

+/- YoY: ▼ 9.5%

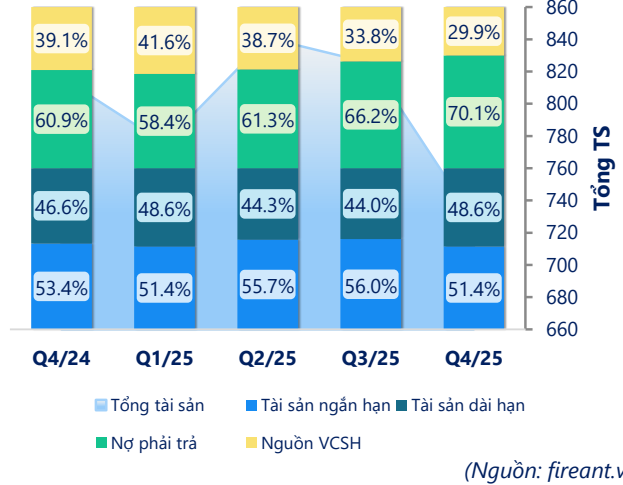
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

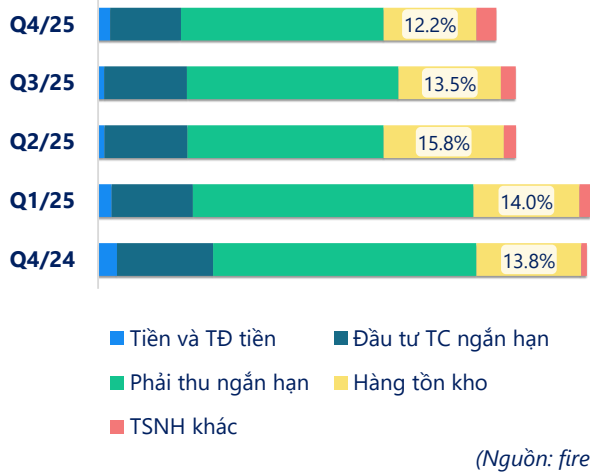


Cơ cấu Tổng tài sản

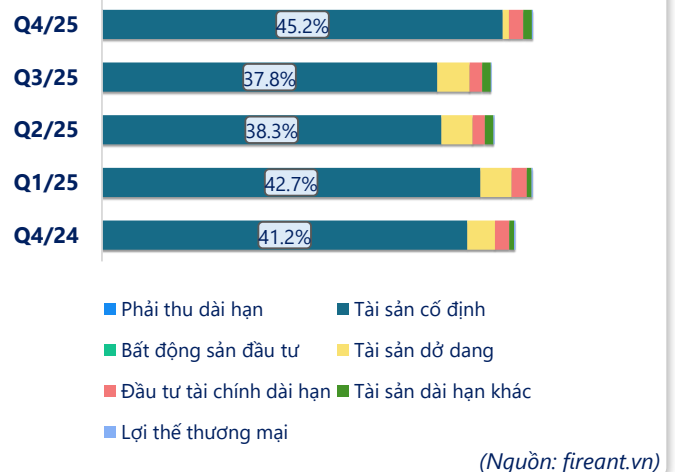
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

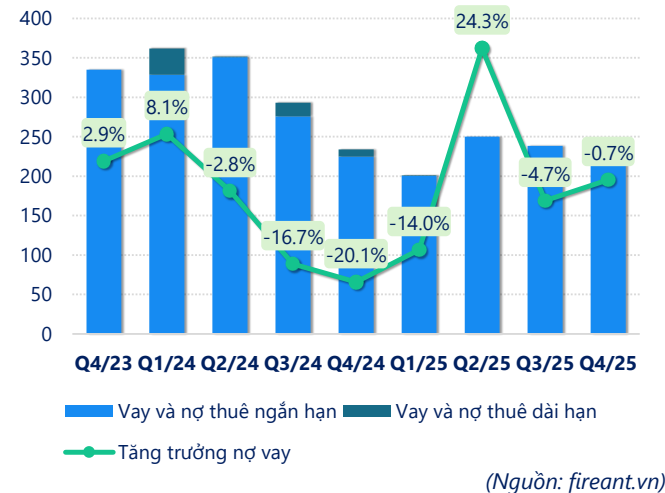


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



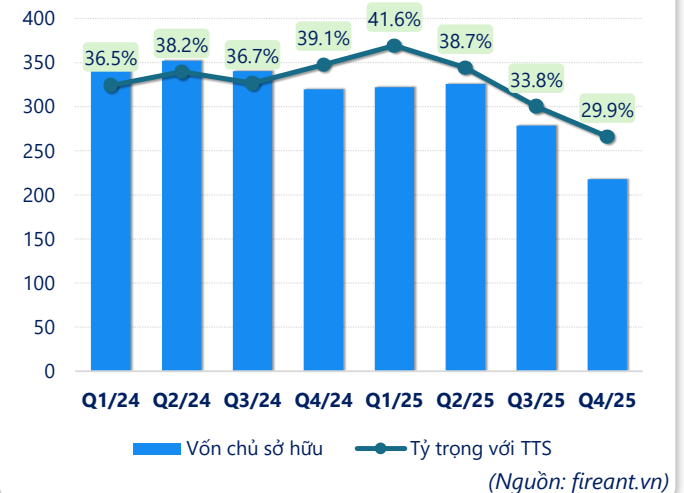
tỷ VNĐ

Nợ vay

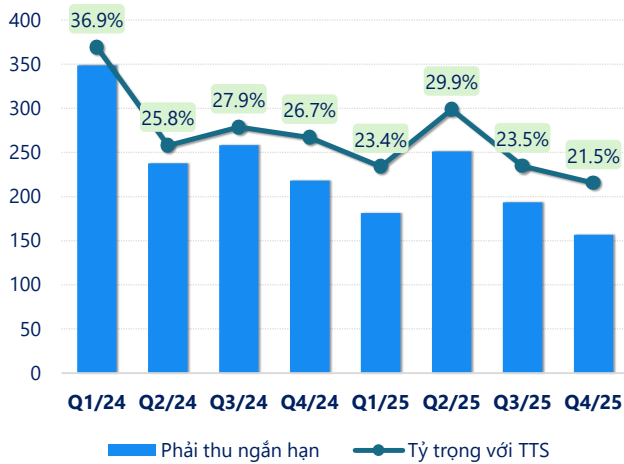


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

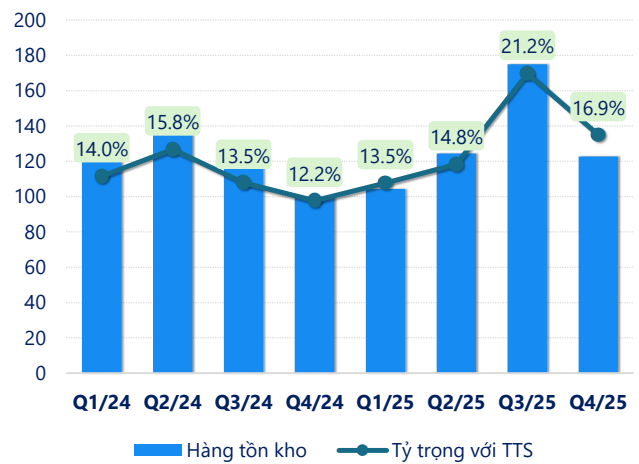


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


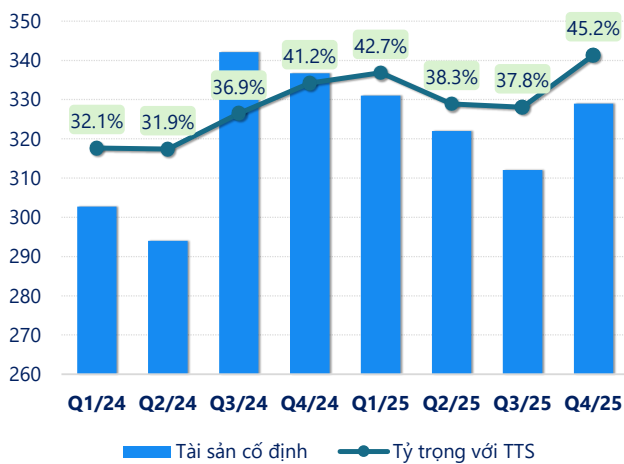
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


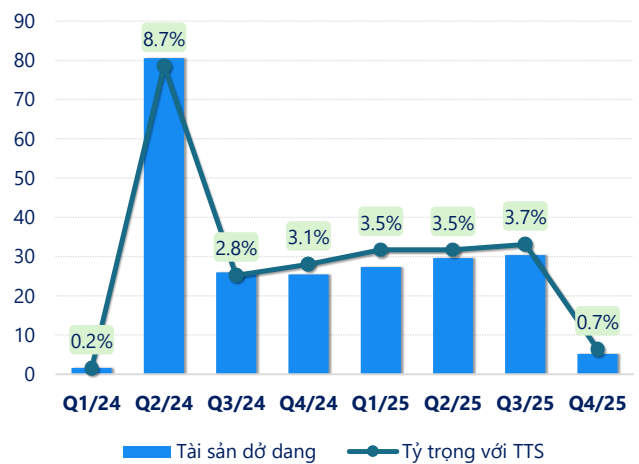
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

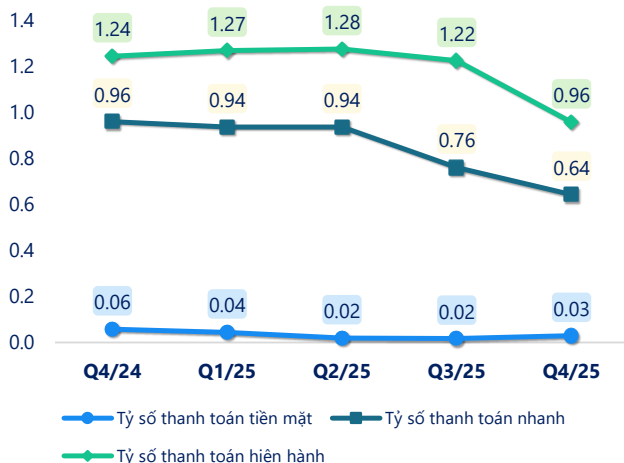
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

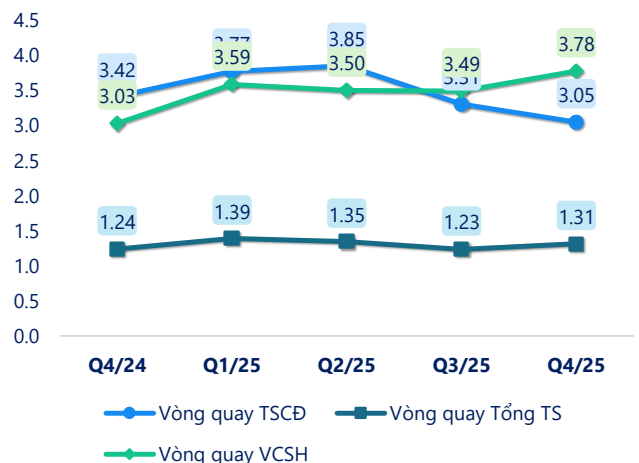
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	817	775	841	825	728
Tài sản ngắn hạn	436	398	468	462	374
Tiền và tương đương tiền	20.2	13.9	7.01	6.55	11.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	76.0	76.0	72.5	72.7	72.6
Phải thu ngắn hạn	218	181	251	194	157
Hàng tồn kho	99.7	104	124	175	123
Tài sản ngắn hạn khác	21.7	22.7	13.0	14.4	10.1
Tài sản dài hạn	381	377	373	363	354
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0.25
Tài sản cố định	337	331	322	312	329
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	25.4	27.3	29.6	30.4	5.16
Đầu tư tài chính dài hạn	13.2	13.2	11.6	11.6	11.6
Tài sản dài hạn khác	4.27	4.19	8.21	7.88	7.14
Lợi thế thương mại	1.30	1.21	1.11	1.02	0.92
Nợ phải trả	497	453	515	547	510
Nợ ngắn hạn	350	314	367	377	391
Vay và nợ thuê ngắn hạn	225	200	250	239	237
Phải trả người bán ngắn hạn	67.3	67.0	71.3	71.6	63.0
Nợ dài hạn	147	139	148	169	119
Vay và nợ thuê dài hạn	9.10	0.81	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	319	322	326	279	218
Vốn chủ sở hữu	319	322	326	279	218
Vốn điều lệ	101	101	101	101	101
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)